

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HS-ST

Ngày 07 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Mạnh Huy

Ông Vũ Văn Tu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Chinh - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2025/TLST-HS ngày 31
tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-
HS ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-
HS, ngày 26/12/2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn P, sinh năm 1974 tại Hà Nội; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, thành
phố Hà Nội (trước đây là thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội); số CCCD:
001074017324 cấp ngày 10/7/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH; nghề
nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn
giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn C (đã chết) và bà: Phạm
Thị L; có vợ: Đỗ Thị M và 03 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 25/10/2024 đến ngày
03/11/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh N đến nay (có
mặt)

2. Lương Văn L1, sinh năm 1970 tại tỉnh Sơn La; nơi cư trú: tiểu khu B, xã
T, tỉnh Sơn La (trước đây là bản Pán, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La); số CCCD:
014070000259 cấp ngày 23/3/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH; nghề
nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn
giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn L2 và bà: Lương Thị T
(đã chết); có vợ: Lương Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày

18/7/1997 bị TAND tỉnh Yên Bái xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/10/2002.

Bị cáo bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 25/10/2024 đến ngày 03/11/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh N đến nay (có mặt)

3. Nguyễn Đăng T1, sinh năm 1986 tại Hà Nội; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội (trước đây là thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội); số CCCD: 001086022851 cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đăng H và bà: Phạm Thị G; có vợ: Nguyễn Thị H1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 25/10/2024 đến ngày 03/11/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh N đến nay (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn P theo chỉ định:* Ông Nguyễn Văn C1 - Luật sư Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh N (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lường Văn L1 theo chỉ định:* Ông Vũ Văn L3 - Luật sư Công ty L5 thuộc Đoàn luật sư tỉnh N (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đăng T1 theo chỉ định:* Ông Nguyễn Đình T2 - Luật sư Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh N (có mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn P, Lường Văn L1, Nguyễn Đăng T1 theo yêu cầu:* Bà Vũ Thúy H2 - Luật sư Công ty L6 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ: số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội (có mặt)

- *Người làm chứng:* Chị Lường Thị N, sinh năm 1975 (có mặt); Chị Lường Thị H3, sinh năm 1981 (vắng mặt); Anh Phạm Kế G1, sinh năm 1979 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn P và Lường Văn L1 cùng làm kinh doanh buôn bán hàng thổ cẩm, len, vải, sợi. Do thường xuyên mua bán các mặt hàng trên từ Việt Nam sang Campuchia, P biết giá vàng mua tại Campuchia thấp hơn nhiều so với giá vàng tại Việt Nam nên nảy sinh ý định mua vàng từ Campuchia mang về Việt Nam bán kiếm lời.

Ngày 20/10/2024, L1 đi từ Sơn La xuống Hà Nội đến nhà Phạm Văn P chơi, tại đây P rủ L1 cùng góp tiền sang Campuchia mua vàng mang về Việt Nam bán kiếm lời. L1 đồng ý và nói với P do hiện tại L1 không có tiền góp nên L1 sẽ góp số

tiền 02 tỷ đồng trước đó đã đưa cho P để mua hàng thô cầm, len, vải, sợi, P đồng ý. Do đã nhiều lần giao dịch buôn bán tại Campuchia, Phạm Văn P biết khi mua hàng hóa tại đây phải thanh toán bằng đồng USD. Phạm bảo L1 vào thành phố Hồ Chí Minh trước đợi khi nào Phạm đổi được tiền VNĐ sang USD thì sẽ giao cho Nguyễn Đăng T1 đang làm thuê cho P cầm vào thành phố Hồ Chí Minh và cùng L1 đi sang C mua vàng. Ngày 21/10/2024, L1 sử dụng vé máy bay do P mua trước đó bay từ sân bay N (Hà Nội) vào sân bay T (thành phố Hồ Chí Minh). Đến nơi L1 thuê phòng trọ tại quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Luyến không nhớ địa chỉ cụ thể) đợi Nguyễn Đăng T1 mang tiền vào và cùng nhau đi sang Campuchia mua vàng.

Ngày 22/10/2024, P mang số tiền 14,5 tỷ đồng (trong đó có 02 tỷ đồng góp của L1) đến khu vực chợ H6, thành phố Hà Nội gặp một người phụ nữ không quen biết nói muốn đổi Việt Nam đồng sang đồng USD. Người phụ nữ nói giá đổi là 25.200 đồng/1 USD, P nói muốn đổi 570.000 USD và đưa cho người phụ nữ số tiền 14.364.000.000 đồng. Người phụ nữ cầm tiền và hẹn P chiều cùng ngày đến khu vực bến xe N, thành phố Hà Nội nhận USD. Phạm đưa cho người phụ nữ số điện thoại của T1 để liên hệ. Khoảng 16 giờ ngày 22/10/2024, P sử dụng điện thoại Iphone 13 Promax gọi điện bảo Nguyễn Đăng T1 lên bến xe N để nhận 570.000 USD. Phạm nói với T1 sau khi nhận USD T1 sẽ bay lúc 19 giờ ngày 22/10/2024 từ sân bay N đến sân bay T để gặp L1 và cùng L1 đi Campuchia mua vàng. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Nguyễn Đăng T1 đi taxi từ nhà đến khu vực bến xe N thì nhận được điện thoại của một người đàn ông hẹn ra ngoài bến xe để nhận USD. T1 đi theo hướng dẫn, đến điểm hẹn gặp một người đàn ông không quen biết khoảng hơn 40 tuổi, người này đưa cho T1 570.000 USD. T1 cầm tiền bỏ vào ba lô và bắt taxi đến sân bay N, bay vào thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến nơi, T1 sử dụng điện thoại Redmi Note 11 màu đen gọi cho L1 và được L1 chỉ đường đến phòng trọ. Tại phòng trọ, T1 chia cho L1 cất giữ 270.000 USD, T1 cất giữ 300.000 USD nhằm mục đích trách sự phát hiện của cơ quan chức năng khi làm thủ tục qua cửa khẩu sang Campuchia.

Sáng ngày 23/10/2024, T1 và L1 cầm theo số USD đi xe khách từ thành phố Hồ Chí Minh đến cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh. L1 sử dụng hộ chiếu số P01965048 mang tên Lương Văn L1, T1 sử dụng hộ chiếu số E01588563 mang tên Nguyễn Đăng T1 làm thủ tục xuất cảnh sang Campuchia. Do trước đó T1, L1 đã nhiều lần đi sang Campuchia để mua bán hàng hóa nên cả hai đều biết đường đến khu chợ bán vàng. Sau khi nhập cảnh, T1 và L1 đi xe ô tô đến khu chợ O thuộc thủ đô P, Campuchia, cả hai xuống xe đi bộ vào cửa hàng vàng trước chợ (T1, L1 không xác định được tên cửa hàng và địa chỉ). Tại cửa hàng, T1 và L1 gặp một người đàn ông người Campuchia, do khác biệt về ngôn ngữ nên T1 ra ký hiệu trao đổi mua vàng

với người đàn ông. Người này hiểu ý và dẫn L1, T1 lên tầng 2 của cửa hàng. Luyến, T1 đưa 570.000USD mang theo cho người đàn ông kiểm đếm, sau khi tính toán người này đưa lại cho T1 130 USD và 6 thanh và 02 mảnh vàng. Việc mua bán vàng giữa L1, T1 với người đàn ông không có hóa đơn, chứng từ. Sau khi nhận được vàng, T1 và L1 đã sử dụng cuộn băng dính màu đen lấy tại cửa hàng vàng, quấn bên ngoài số vàng và phân chia L1 cất giữ 03 thanh vàng, T1 cất giữ 03 thanh vàng và 02 mảnh vàng vào ba lô mang theo và đi xe khách về Việt Nam. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày cả hai về đến C2 thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam sau đó đi xe khách đến thành phố Hồ Chí Minh ăn cơm tối. Tường mua vé tàu cùng L1 đi tàu từ Ga S (thành phố Hồ Chí Minh) về Ga P, Ninh Bình. Quá trình đi từ P, Campuchia về đến P, Ninh Bình, T1 và L1 đã chi tiêu hết 130 USD.

Hồi 05 giờ 30 phút ngày 25/10/2024, T1, L1 cầm theo số vàng mua được đến ga P, phường P, tỉnh Ninh Bình thì bị tổ công tác của phòng C3 Công an tỉnh N tiến hành kiểm tra phát hiện bên trong balo màu nâu của T1 có 03 thanh và 02 mảnh kim loại; bên trong ba lô màu đen của L1 có 03 thanh kim loại, tất cả đều được quấn bên ngoài bằng băng dính màu đen, bên trong lớp băng dính màu đen là thanh, mảnh kim loại màu vàng. Tại Cơ quan điều tra, L1 và T1 khai nhận đây là số vàng mà L1 và T1 mua được từ Campuchia về Việt Nam nhằm mục đích bán kiếm lời. Ngoài ra, L1 và T1 khai nhận: Phạm Văn P là người đưa tiền để mua vàng, cả hai đang mang số vàng trên về giao cho P bán kiếm lời. Cơ quan điều tra đã thu giữ.

+ Thu giữ của Lường Văn L1 02 khối hình chữ nhật, được quấn kín bằng băng dính màu đen, bên trong có 03 thanh kim loại màu vàng trọng lượng khoảng 03 kg (niêm phong ký hiệu KT. L01); 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Pro, màu vàng bên trong lắp sim V số thuê bao 0397.981.170 (niêm phong ký hiệu KT02); 01 căn cước công dân, 01 Hộ chiếu mang tên Lường Văn L1.

+ Thu giữ của Nguyễn Đăng T1: 02 khối hình chữ nhật, được quấn kín bằng băng dính màu đen, bên trong có 03 thanh kim loại màu vàng trọng lượng khoảng 03 kg và 02 mảnh kim loại màu vàng có tổng trọng lượng 0,4 kg (niêm phong ký hiệu KT.T03); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Torque màu xanh đen (niêm phong ký hiệu KT04); 01 điện thoại Redmi Note 11 màu đen (niêm phong ký hiệu KT05); 01 CCCD, 01 Hộ chiếu mang tên Nguyễn Đăng T1.

Căn cứ lời khai của L1, T1 cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được, Cơ quan điều tra đã triệu tập Phạm Văn P lên làm việc, tại Cơ quan điều tra Phạm Văn P khai nhận hành vi phạm tội như trên và tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn P tại thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội; Lương Văn L1 tại Bản P, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La và Nguyễn Đăng T1 tại thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội. Kết quả không thu giữ đồ vật tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Ngày 26/10/2024 cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 1571 giám định kim loại. Tại Bản Kết luận giám định số 8359/KL-KTHS ngày 28/10/2024 của V1 Bộ C4 kết luận: 03 thanh kim loại màu vàng đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu KT.L01 gửi giám định có tổng khối lượng là 2999,8 gam vàng tinh khiết (A), hàm lượng trung bình A: 99,96%; 03 thanh kim loại màu vàng và 02 mảnh kim loại màu vàng đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu KT.T03 gửi giám định có tổng khối lượng là 3474,8 gam vàng tinh khiết (A), hàm lượng trung bình A: 99,96%. Tổng khối lượng vàng là 6.474,6 gram.

Ngày 04/11/2024 cơ quan Cảnh sát điều tra ra yêu cầu định giá tài sản số 4849. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên kết luận 6.474,6 gram x 2.333.467 đồng/gram giá trị thành tiền là 15.108.265.438 đồng.

Ngày 14/12/2024 Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 1760 giám định dữ liệu điện tử đối với các máy điện thoại đã thu giữ của các bị can. Tại Bản kết luận giám định số 26/KL-KTHS ngày 09/01/2025 của phòng C3 Công an tỉnh N (cũ) nay là phòng C3 Công an tỉnh N kết luận có khôi phục, trích xuất được dữ liệu là các tin nhắn, nhật ký cuộc gọi zalo, tin nhắn zalo, tin nhắn SMS... giữa P, L1 và T1, thu giữ được hình ảnh vé máy bay Phàm gửi cho L1, hình ảnh vé tàu Tường gửi cho L1; lịch sử các cuộc gọi của 03 bị can quan đến hành vi “Buôn lậu”. Tại Cơ quan điều tra, 03 bị can khai nhận các tin nhắn, cuộc gọi liên quan đến hành vi mua vàng. Tài liệu, dữ liệu giám định được lưu trong 01 đĩa DVD chứa 226 MB dung lượng lưu theo hồ sơ vụ án.

Vật chứng, tài sản đồ vật thu giữ:

- Quá trình điều tra đã niêm phong số vàng thu giữ theo quy định, sau khi gửi giám định đang gửi tại Phòng G2 Kho bạc nhà nước khu vực 5. Số vàng trên cùng với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax thu giữ của P; 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Pro, màu vàng, 01 Hộ chiếu thu giữ của L1; 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc nhãn hiệu Torque màu xanh đen; 01 chiếc nhãn hiệu Redmi Note 11 màu đen); 01 căn cước công dân, 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn Đăng T1 thu giữ của T1 là vật chứng liên quan đến vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình ra quyết định chuyển đến Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để xử lý cùng vụ án.

Quá trình điều tra, Phạm Văn P, Lương Văn L1 và Nguyễn Đăng T1 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSNNB-P3 ngày 29 tháng 10 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo: Phạm Văn P, Lương Văn L1, Nguyễn Đăng T1 về tội “Buôn lậu” áp dụng điểm a khoản 4, 5 Điều 188 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn P, Lương Văn L1, Nguyễn Đăng T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn P, Lương Văn L1 và Nguyễn Đăng T1 phạm tội: “Buôn lậu”

Về hình phạt:

- Đối với bị cáo Phạm Văn P: áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên phạt tù 14 năm đến 14 năm 06 tháng tù giam; Phạt bổ sung từ 40-50 triệu đồng.

- Đối với bị cáo Lương Văn L1: áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên phạt tù 13 năm 06 tháng đến 14 năm tù giam; Phạt bổ sung từ 30-40 triệu đồng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đăng T1: áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên phạt tù 13 năm đến 13 năm 06 tháng tù giam; Phạt bổ sung từ 20-30 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Số vàng thu giữ, 03 điện thoại thu giữ của T1, L1, Phạm: Tài liệu điều tra xác định đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Căn cứ Điều 46, Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị tịch thu, hoá giá sung vào ngân sách nhà nước.

- Trả lại Nguyễn Đăng T1 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Torque màu xanh đen, tài liệu điều tra xác định không sử dụng trong quá trình thực hiện tội phạm.

- 01 Hộ chiếu thu giữ của Lương Văn L1; 01 căn cước công dân, 01 hộ chiếu thu giữ của Nguyễn Đăng T1 là các giấy tờ tùy thân. Căn cứ Điều 46, Điều 48 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS trả lại các bị cáo.

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Phạm Văn P có quan điểm: nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố đối với bị cáo P. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo là gia đình có truyền thống cách mạng, có cậu ruột là Liệt sĩ, chú ruột vợ cũng là Liệt sĩ. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo mức án thấp hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Lương Văn L1 có quan điểm: nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố

đối với bị cáo L1. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc T3, nhận thức pháp luật hạn chế nguyên nhân thực hiện hành vi phạm tội là do bị cáo P rủ rê, mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội mờ nhạt. Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là cao. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo mức án thấp hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Nguyễn Đăng T1 có quan điểm: nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố đối với bị cáo P. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì bị cáo chỉ là người làm thuê, bị cáo có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ hình phạt chính và miễn hình phạt bổ sung cho cả ba bị cáo.

Người bào chữa theo yêu cầu của các bị cáo Phạm Văn P, Lương Văn L1 và Nguyễn Đăng T1 có quan điểm: nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố đối với các bị cáo. Nhất trí với quan điểm bào chữa của các Luật sư. Tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại gì. Các bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp và thực hiện hành vi phạm tội do bộc phát. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và giảm nhẹ hình phạt bổ sung cho bị cáo P; miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo L1 và T1; trả lại điện thoại cho các bị cáo vì đó là tài sản chung của vợ chồng.

Lời nói cuối cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn P, Lương Văn L1, Nguyễn Đăng T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố; lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Phạm Văn P, Lương Văn L1, Nguyễn Đăng T1 là những người không được cấp phép đăng ký kinh doanh vàng nhưng đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất đi mua 6.474,6 gram vàng tinh khiết (A), hàm lượng trung bình A: 99,96% không có hóa đơn, chứng từ với tổng giá trị là 15.108.265.438 đồng từ nước Campuchia mang trái phép về nước Việt Nam bán nhằm mục đích kiếm lời.

Phạm Văn P là người chủ mưu, khởi xướng, rủ Lương Văn L1 và Nguyễn Đăng T1 sang Campuchia mua vàng mang về Việt Nam bán kiếm lời. Phạm góp số tiền 12.364.000.000 đồng mua vàng, trực tiếp đi đổi tiền VNĐ sang USD; chỉ đạo

Nguyễn Đăng T1 đi nhận USD; mua vé máy bay cho L1 và T1 bay từ Hà Nội thành phố Hồ Chí Minh đi mua vàng.

Lường Văn L1 góp số tiền 2.000.000.000 đồng, Nguyễn Đăng T1 là người đi nhận USD. L1 và T1 cùng mang tiền sang Campuchia mua vàng trái phép mang về Việt Nam. Hồi 05 giờ 30 phút ngày 25/10/2024, L1 và T1 mang số vàng mua được đến khu vực ga P, phường P, tỉnh Ninh Bình thì bị phát hiện, bắt giữ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Văn P, Lường Văn L1, Nguyễn Đăng T1 đã phạm tội “Buôn lậu”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự.

Điều 188. Tội buôn lậu:

1. Người nào buôn bán qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật hàng hoá, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

2...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Vật phạm pháp có giá trị 1.000.000.000 đồng trở lên”

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Phạm Văn P, Lường Văn L1, Nguyễn Đăng T1 với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm trật tự quản lý trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại; gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm minh, cách ly khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

- Tình tiết tăng nặng : 03 bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa cả 03 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Lường Văn L1 có bố đẻ là ông Lường Văn

L2 là sĩ quan Q, tham gia chiến đấu chống Mỹ cứu nước và được nhà nước trao tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba; mẹ đẻ bị cáo là bà Lường Thị T tham gia dân công hỏa tuyến, được hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ- TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; bản thân bị cáo năm 2022 được Chủ tịch UBND xã C tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong công tác vận động toàn dân đoàn kết, tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; năm 2022 gia đình bị cáo được công nhận danh hiệu “Hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp tỉnh giai đoạn 2012-2016”. Bị cáo Nguyễn Đăng T1 có bố đẻ là ông Nguyễn Đăng H có tham gia quân đội năm 1984 được tặng Giấy khen vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bị cáo Phạm Văn P đã có thời gian phục vụ cho quan Đ từ năm 1992 - 1994; năm 2022 gia đình bị cáo P được công nhận danh hiệu “Hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp thành phố giai đoạn 2012-2016”; bố vợ bị cáo là ông Đỗ Bá H4 là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình; hiện tại vợ chồng bị cáo đang phải nuôi dưỡng mẹ đẻ và bố vợ bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với cả ba bị cáo khi lượng hình.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Văn P, Lường Văn L1, Nguyễn Đăng T1 theo quy định tại khoản 5 Điều 188 của Bộ luật Hình sự để sung ngân sách Nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với số vàng và 03 điện thoại đã thu giữ của các bị cáo T1, L1, P: quá trình điều tra xác định đây là vật chứng của vụ án và là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, vì vậy cần tịch thu, hoá giá sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Torque màu xanh đen đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Đăng T1: quá trình điều tra xác định bị cáo không sử dụng trong quá trình thực hiện tội phạm và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, vì vậy cần trả lại cho bị cáo T1.

Đối với 01 Hộ chiếu thu giữ của Lường Văn L1; 01 căn cước công dân, 01 hộ chiếu thu giữ của Nguyễn Đăng T1 là các giấy tờ tùy thân nên cần trả lại cho các bị cáo L1 và T1.

[4] Về những vấn đề có liên quan đến vụ án:

Về nguồn gốc 6.474,6 gam vàng, quá trình điều tra L1 và T1 khai chỉ nhớ mua vàng tại khu chợ O thuộc thủ đô P, Campuchia; không nhớ tên cửa hàng, không biết họ, tên và địa chỉ người bán vàng. Do đó không đủ căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với người phụ nữ đã đổi số tiền 570.000 USD cho Phạm Văn P; người đàn ông đưa 570.000 USD cho Nguyễn Đăng T1. Quá trình điều tra không xác định được

họ tên, tuổi, địa chỉ của những người này nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với Lương Thị N (vợ L1), Lương Thị H3 (em gái N). Quá trình điều tra ban đầu Lương Văn L1 khai nhận: số tiền 02 tỷ đồng góp với P đi mua vàng là tiền tích góp và tiền vay Ngân hàng của 02 vợ chồng L1. Lương Thị N là người trực tiếp chuyển khoản 02 tỷ cho P. Khoảng tháng 03/2024 L1 cùng P sang Campuchia, P mua vàng (L1 không biết P mua bao nhiêu, cửa hàng nào). Ngày 22/10/2024, L1 dẫn cùng Lương Thị H3 sang Campuchia mua vàng, H3 mua bao nhiêu, mua của ai, tại đâu L1 không biết.

Tuy nhiên, quá trình điều tra L1 thay đổi lời khai: Luyến không thừa nhận trao đổi, bàn bạc với N về việc góp tiền mua vàng với P, số tiền 02 tỷ góp mua vàng là tiền của L1 đưa cho P trước đó để mua hàng kinh doanh. Các lần đi Campuchia trước đó với P là đi tham khảo các mặt hàng phụ kiện may, hàng thổ cẩm .

Quá trình điều tra Lương Thị H3 không thừa nhận cùng L1 đi mua vàng bên Campuchia. Chị Lương Thị N khai có chuyển khoản số tiền hơn 02 tỷ cho P nhưng là để góp vốn cùng P nhập hàng hóa từ Trung Quốc về Việt Nam bán; Việc Luyến trao đổi, góp 02 tỷ với P mua vàng chị N không biết. Do vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với chị Lương Thị N, chị Lương Thị H3.

[5] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[6] Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Đăng T1 bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo Lương Văn L1 ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn P, Lương Văn L1, Nguyễn Đăng T1 phạm tội “Buôn lậu”.

2. Xử phạt:

2.1. Bị cáo Phạm Văn P 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/10/2024.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

2.2. Bị cáo Lương Văn L1 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/10/2024.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

2.3. Bị cáo Nguyễn Đăng T1 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/10/2024.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 13 Pro Max; 01 (một) chiếc điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Redmi Note 11, màu đen; 01 (một) chiếc điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng; 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn mặt trước ghi “8359/KL-KTHS-KT.L01” mặt sau tại mép dán có 01 tem niêm phong ghi “Giấy niêm phong mẫu vật hoàn trả - KLGD số 8359 ngày 28/10/2024” trên tem có 02 chữ ký, 02 dòng ghi họ tên Vũ Quốc H5, Mai Trường T4 và 02 dấu hình tròn đỏ của V1 Bộ C4; 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn mặt trước ghi “8359/KL-KTHS-KT.T03” mặt sau tại mép dán có 04 chữ ký, 01 tem niêm phong ghi “Giấy niêm phong mẫu vật hoàn trả - KLGD số 8359 ngày 28/10/2024” trên tem có 03 chữ ký, 03 dòng ghi họ tên Vũ Quốc H5, Nguyễn Ngọc K, Mai Trường T4 và 02 dấu hình tròn đỏ của V1 Bộ C4.

- Trả lại cho bị cáo Lương Văn L1 01 (một) chiếc điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Torque, màu xanh đen; 01 (một) Hộ chiếu số P01965048 mang tên Lương Văn L1; 01 (một) căn cước công dân mang tên Lương Văn L1.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đăng T1 01 (một) Hộ chiếu số E01588563 mang tên Nguyễn Đăng T1; 01 (một) căn cước công dân mang tên Nguyễn Đăng T1.

(Chi tiết như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 03/11/2025 giữa Cơ quan Cảnh điều tra Công an tỉnh N và Thihành án dân sự tỉnh Ninh Bình)

4. Án phí: Các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Đăng T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lương Văn L1 được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND Tối cao (01 bản);
 - VKSND Tối cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng KTGD - TT-KT- THA (04 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (03 bản);
 - Trại giam (03 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa , Tổ hành chính tư pháp (02 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).*

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Thị Thảo

